## Use case “Tạo thông tin nhập hàng”

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC000 | Tên Use case | Tạo thông tin nhập hàng |
| Tác nhân | Bộ phận bán hàng  Hệ thống | | |
| Tiền điều kiện | Đã đăng nhập vào hệ thống  Khách hàng có nhu cầu nhập hàng | | |
| Luồng sự kiện chính  (Thành công) | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1. | Bộ phận bán hàng | Chọn chức năng Tạo thông tin nhập hàng | | 2. | Hệ thống | Hiển thị giao diện nhập thông tin nhập hàng | | 3. | Bộ phận bán hàng | nhập Merchandise code cho từng mặt hàng cần đặt (mô tả phía dưới \*) | | 4. | Hệ thống | Kiểm tra xem mã mặt hàng đã hợp lệ chưa | | 5. | Bộ phận bán hàng | Chọn “Quantity ordered” cho các mặt hàng | | 6. | Bộ phận bán hàng | Nhập số nguyên “Unit” cho từng mặt hàng | | 7. | Bộ phận bán hàng | Chọn “Desired delivery date” cho từng mặt hàng | | 8. | Bộ phận bán hàng | Ấn nút tạo thông tin nhập hàng | | 9. | Hệ thống | Tạo thông tin nhập hàng trên cơ sở dữ liệu | | | |
| Luồng sự kiện thay thế | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 2a. | Hệ thống | Nếu mất mạng, hệ thống thông báo lỗi: “Đường truyền mạng gặp vấn đề, hãy kiểm tra lại” | | 4a. | Hệ thống | Thông báo lỗi: Yêu cầu nhập lại “Merchandise code” nếu giá trị không hợp lệ | | 4b. | Hệ thống | Nếu mất mạng, hệ thống thông báo lỗi: “Đường truyền mạng gặp vấn đề, hãy kiểm tra lại” | | 9a. | Hệ thống | Nếu mất mạng, thông báo lỗi: “Đường truyền mạng gặp vấn đề, hãy kiểm tra lại” | | | |
| Hậu điều kiện | Không | | |

\* Dữ liệu đầu vào của thông tin cá nhân gồm các trường dữ liệu sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Merchandise code** | **Quantity ordered** | **Unit** | **Desired delivery date** | | |
| **Year** | **Month** | **Date** |

## Biểu đồ hoạt động

